TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN N** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **07**/2019/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 23 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Dân sự thụ lý số 123/2018/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thanh D**, sinh năm 1989; trú tại: phường H, quận N, thành phố Đ.

Bị đơn: Bà **Trần Thị Đ**, sinh năm 1990; Hiện đang công tác tại: Công ty TNHH TM và DV Xuân Tiến, phường M, quận N, thành phố Đ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1989 và Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1990.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh D và bà Trần Thị Đ thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao con Nguyễn Thanh A, sinh ngày 22/3/2014 cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con

chung mỗi tháng 2.000.000đ; thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ly hôn các bên đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 150.000đ ông D tự nguyện chịu.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: 150.000đ ông D tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ ông D đã nộp theo biên lai thu số 0001867 ngày 03 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận N, thành phố Đ. (Ông D đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con chung).

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS Q.N;
- UBND xã T,
huyện P, tỉnh Q
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Trần Công Hoan